

Số: 390 /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 18 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025
huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 20 tháng 01 năm 2025 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc Thông qua Danh mục các cần thu hồi đất, các dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2025;

Theo đề nghị của UBND huyện Đắk R'lấp tại Tờ trình số 17/TTr-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2025 và Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tại Tờ trình số 66/TTr-STNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông, với các nội dung cụ thể như sau:

- Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch (Chi tiết có Phụ lục I kèm theo).
- Kế hoạch thu hồi các loại đất (Chi tiết có Phụ lục II kèm theo).

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất (*Chi tiết có Phụ lục III kèm theo*).

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng (*Chi tiết có Phụ lục IV kèm theo*).

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, UBND huyện Đắk R'lấp có trách nhiệm:

1. Tổ chức công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai năm 2024; việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất, chặt chẽ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện Đắk R'lấp.

2. Xác định vị trí, ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất (đất có rừng tự nhiên) cần bảo vệ nghiêm ngặt; điều tiết phân bổ nguồn lực, trước hết là nguồn ngân sách nhà nước bảo đảm lợi ích giữa các khu vực có điều kiện phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ với các khu vực bảo vệ đất trồng lúa, đất rừng; có biện pháp phù hợp để giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập, để người trồng lúa yên tâm sản xuất; tăng đầu tư hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa các khu vực.

3. Thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt, tuân thủ đúng các quy định pháp luật có liên quan và đảm bảo theo các chỉ tiêu sử dụng đất được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất.

4. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến pháp luật đất đai để người sử dụng đất nắm vững các quy định của pháp luật, sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai, kịp thời ngăn chặn và xử lý nghiêm đối với trường hợp sử dụng đất vi phạm trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiểm tra xử lý các trường hợp đã được giao đất, cho thuê đất nhưng không sử dụng, sử dụng sai mục đích theo quy định của pháp luật đất đai và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong việc sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

6. Đối với các vị trí, công trình, dự án chưa thống nhất giữa Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 và các quy hoạch ngành có liên quan (Quy hoạch quốc phòng an ninh, quy hoạch đô thị, quy hoạch lâm nghiệp...), UBND huyện Đắk R'lấp chỉ được triển khai thực hiện các công trình, dự án sau khi có ý kiến của cơ quan, ban, ngành có chức năng quản lý ngành.

7. Đối với các vị trí, công trình, dự án nằm trong Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023, UBND huyện Đắk R'lấp chỉ được triển khai thực hiện các công trình, dự án sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền.

8. Định kỳ trước ngày 15/12 hàng năm, UBND huyện Đắk R'lấp có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm của địa

phương gửi về UBND tỉnh (thông qua cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh) để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND huyện Đắk R'lấp chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh đối với các nội dung đề xuất tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực XIV; Chủ tịch UBND huyện Đắk R'lấp; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, KT, NNTNMT_(LVT).

6

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Yên

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG
(Kèm theo Quyết định số **390/QĐ-UBND** ngày **18** tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				Xã Quảng Tín	Xã Đắk Wer	Xã Nhân Cơ	Xã Kiến Thành	Xã Đạo Nghĩa	Xã Đắk Sin	Xã Hưng Bình	Xã Đắk Ru	Xã Nhân Đạo	TT Kiến Đức	Xã Nghĩa Thắng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(15)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	54.488,77	4.754,31	3.673,52	3.084,25	3.458,61	5.384,28	9.126,38	8.217,29	5.724,63	5.935,36	1.213,59	3.916,55
1,1	Đất trồng lúa	LUA	291,20		5,11	1,57	24,36	66,87	66,61	1,44	15,19	5,93		104,12
-	Đất chuyên trồng lúa	LUC	228,21			9,83	24,36	66,87	66,61	1,44	15,19	5,93		37,98
-	Đất trồng lúa còn lại	LUK	0,00				-	-	-	-		-		
1,2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1327,00	40,40	289,01	150,92	87,49	265,82	229,31	18,03	53,33	103,32	6,83	82,54
1,3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	39207,65	4.699,05	3.311,48	2.824,76	3.213,45	2.774,27	5.949,37	2.649,18	5.560,62	3.338,71	1.176,28	3.710,48
1,4	Đất rừng đặc dụng	RDD	0,00											
1,5	Đất rừng phòng hộ	RPH	12508,45		6,17	23,29		2.124,12	2.787,03	5.500,48		2.067,36		
1,6	Đất rừng sản xuất	RSX	776,87			54,18	75,86	150,14	41,64	26,14	0,23	415,35	13,33	
-	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	449,63				65,93	139,92	40,14	25,25		178,39		
1,7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	274,98	11,48	55,51	29,53	40,39	2,39	28,49	20,29	45,71	4,69	17,09	19,41
1,8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	14,48	-			-	-	-	-	14,48	-		-
1,9	Đất làm muối	LMU	0,00	-			-	-	-	-	-	-		-
1,1	Đất nông nghiệp khác	NKH	88,14	3,38	6,24		17,06	0,67	23,93	1,73	35,07		0,06	
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNV	8904,07	540,83	894,65	1497,80	967,82	544,27	987,66	650,78	975,65	665,61	385,45	793,55
2,10	Đất ở tại nông thôn	ONT	1041,69	94,84	130,29	102,94	191,38	78,35	102,42	61,59	135,48	56,80	-	87,60
2,20	Đất ở tại đô thị	ODT	140,16	-	-	-	-	-	-	-	-	-	140,16	-
2,30	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	22,25	3,74	0,36	0,69	0,80	1,32	1,59	0,46	0,40	0,59	11,74	0,56
2,4	Đất quốc phòng	CQP	34,59	2,16	7,54	10,75	0,20	0,20	0,20	3,20	2,31	0,20	3,28	4,55
2,5	Đất an ninh	CAN	5,84	0,21	0,18	0,39	0,08	0,15	0,11	0,15	0,13	0,17	4,18	0,09
2.6	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS		7,29	13,21	9,20	48,74	3,38	6,54	3,49	14,68	4,92	24,42	8,40
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	5,02	-	-	0,19	-	-	1,14	-	-	0,04	2,78	0,87
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	42,33	-	-	-	42,33	-	-	-	-	-	-	-
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,16	0,47	0,13	0,27	0,23	0,33	0,19	0,27	0,12	0,59	4,39	0,17
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	81,75	5,59	11,24	8,64	6,18	3,05	4,14	3,22	14,56	4,23	13,54	7,36
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	2,97	0,17	1,84	0,10	-	-	0,29	-	-	-	0,57	-

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				Xã Quảng Tín	Xã Đắk Wer	Xã Nhân Cơ	Xã Kiên Thành	Xã Đạo Nghĩa	Xã Đắk Sin	Xã Hưng Bình	Xã Đắk Ru	Xã Nhân Đạo	TT Kiên Đức	Xã Nghĩa Thắng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(15)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	0,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	0,00											
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	0,00											
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	5,04	1,06	-	-	-	-	0,78	-	-	0,06	3,14	-
2,7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK		21,67	458,76	819,15	464,05	0,12	64,22	17,66	90,96	148,7	4,04	355,22
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	547,70	-	-	547,7	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	0,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	0,00											
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	18,66	0,89	5,98	2,38	0,09	0,12	0,34	-	2,44	3,00	3,17	0,25
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	82,26	20,78	30,07	12,13	6,94	-	-	3,42	2,82	5,23	0,87	-
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	1795,93	0	422,71	256,94	457,02	0	63,88	14,24	85,7	140,47	0	354,97
2,8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC		200,77	129,22	391,73	124,57	196,06	532,86	331,30	321,36	169,28	143,82	181,94
2.8.1	Đất giao thông	DGT	1452,19	129,90	120,31	191,78	97,66	46,41	198,44	74,73	247,80	130,45	79,65	135,06
2.8.2	Đất thủy lợi	DTL	496,03	13,34	0,74	41,19	23,30	32,13	150,01	72,81	24,28	37,49	56,93	43,81
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	0,00											
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	0,00											
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,00											
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	28,00	-	-	-	-	20,23	3,09	-	4,21	-	0,47	-
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	711,86	53,87	1,35	155,90	1,04	95,87	178,44	182,33	42,73	-	0,32	0,01
2.8.9	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,48	0,06	-	0,09	-	-	-	-	0,11	-	0,20	0,02
2.8.10	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	9,10	1,81	-	1,11	-	-	1,88	0,89	-	0,78	0,83	1,80
2.8.11	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	25,25	1,79	6,82	1,66	2,57	1,42	1,00	0,54	2,23	0,56	5,42	1,24
2,9	Đất tôn giáo	TON	19,01	1,71	0,83	2,66	-	3,33	0,67	-	4,48	1,04	1,43	2,86

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				Xã Quảng Tín	Xã Đắk Wer	Xã Nhân Cơ	Xã Kiến Thành	Xã Đạo Nghĩa	Xã Đắk Sin	Xã Hưng Bình	Xã Đắk Ru	Xã Nhân Đạo	TT Kiến Đức	Xã Nghĩa Thắng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(15)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
2,10	Đất tín ngưỡng	TIN	0,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2,11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	104,00	11,91	3,86	13,87	3,73	10,06	9,18	2,91	7,51	5,15	21,68	14,14
2,12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	0,00											
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	8,16	-	-	7,05	-	-	-	-	-	-	-	1,11
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2213,16	196,53	150,40	139,37	134,27	251,30	269,87	230,02	398,34	278,76	27,90	136,40
2,13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	3,48	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,80	0,68
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	191,02	4,89	0,61	7,55	3,18	14,98	25,08	4,63	-	62,69	-	67,41
	- Trong đó:													
	Đất bằng chưa sử dụng	BCS												
	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	191,02	4,89	0,61	7,55	3,18	14,98	25,08	4,63	-	62,69	-	67,41
	Núi đá không có rừng cây	NCS												
	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS												
	Đất sử dụng cho khu công nghệ cao*													
Ghi chú: Đất sử dụng cho khu công nghệ cao không cộng vào tổng diện tích tự nhiên														

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 CỦA HUYỆN ĐẮK R'LẤP

(Kèm theo Quyết định số **390** /QĐ-UBND ngày **18** tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: ha

[illegible]

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				Xã Quảng Tín	Xã Đắc Wer	Xã Nhân Cơ	Xã Kiến Thành	Xã Đạo Nghĩa	Xã Đắc Sin	Xã Hưng Bình	Xã Đắc Ru	Xã Nhân Đạo	TT Kiến Đức	Xã Nghĩa Thắng
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	0,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	9,42	-	0,89	1,10	-	-	1,50	-	2,13	1,25	-	2,55
2,13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	0,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Trong đó:			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3,1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3,2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3,3	Núi đá không có rừng cây	NCS		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3,4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Đất sử dụng cho khu công nghệ cao*			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-



KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 CỦA HUYỆN ĐẮK R'LẤP
(Kèm theo Quyết định số **390**/QĐ-UBND ngày **18** tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: ha

[illegible]

[illegible]

KẾ HOẠCH ĐƯA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM 2025 CỦA HUYỆN ĐẮK R'LẤP
(Kèm theo Quyết định số **390**/QĐ-UBND ngày **18** tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: ha

[illegible]

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				Xã Quảng Tín	Xã Đắc Wer	Xã Nhân Cơ	Xã Kiến Thành	Xã Đạo Nghĩa	Xã Đắc Sin	Xã Hưng Bình	Xã Đắc Ru	Xã Nhân Đạo	TT Kiến Đức	Xã Nghĩa Thặng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
2,13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Trong đó:			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3,1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3,2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3,3	Núi đá không có rừng cây	NCS		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3,4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Đất sử dụng cho khu công nghệ cao*			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

2